Chi tiết mã HS 8426.91.00

Mã HS	8426.91.00
Mô tả hàng hóa	Cổng trục của tàu thủy; cần trục, kể cả cần trục cáp; khung nâng di động, xe chuyên chở kiểu khung đỡ cột chống và xe công xưởng có lắp cần cẩu / - Máy khác: / - - Thiết kế để nâng xe cơ giới đường bộ
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:06:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84269100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13620
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13620
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13620
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12918
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12859
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12859
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12859
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12859
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12859
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12859
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12913
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12913
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12913

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12913
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12913
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12913
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12914
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12914
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12914
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12914
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12914
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12914
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12917
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12865
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12873
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12873
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12873
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12873
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12873
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12873
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12904
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12904
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12904
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12904
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12904
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12904
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12953
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12953
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12953

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12953
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12953
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12953
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12936
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12936
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12936
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12936
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12936
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12936
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12936
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12936
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12936
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12936
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12936
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12936
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12951
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12951
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12951
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12951
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12951
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12951
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12950
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12950
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12950
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12950
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12950

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12950
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12930
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12930
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12930
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12930
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12930
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12930
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12930
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12938
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12938
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12938
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12938
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12938
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12938
RCEP B	2022	2022	0	B!D12938
RCEP B	2023	2023	0	B!E12938
RCEP B	2024	2024	0	B!F12938
RCEP B	2025	2025	0	B!G12938
RCEP B	2026	2026	0	B!H12938
RCEP B	2027	2027	0	B!I12938
RCEP C	2022	2022	0	C!D12938
RCEP C	2023	2023	0	C!E12938
RCEP C	2024	2024	0	C!F12938
RCEP C	2025	2025	0	C!G12938
RCEP C	2026	2026	0	C!H12938
RCEP C	2027	2027	0	C!I12938

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12937
RCEP D	2023	2023	0	D!E12937
RCEP D	2024	2024	0	D!F12937
RCEP D	2025	2025	0	D!G12937
RCEP D	2026	2026	0	D!H12937
RCEP D	2027	2027	0	D!I12937
RCEP E	2022	2022	0	E!D12941
RCEP E	2023	2023	0	E!E12941
RCEP E	2024	2024	0	E!F12941
RCEP E	2025	2025	0	E!G12941
RCEP E	2026	2026	0	E!H12941
RCEP E	2027	2027	0	E!I12941
RCEP F	2022	2022	0	F!D12938
RCEP F	2023	2023	0	F!E12938
RCEP F	2024	2024	0	F!F12938
RCEP F	2025	2025	0	F!G12938
RCEP F	2026	2026	0	F!H12938
RCEP F	2027	2027	0	F!I12938
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11998
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11998
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11998
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11998

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8426.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8426.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13620), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.